TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 140/2017/QĐST-HNGĐ	*P, ngày 20 tháng 9 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 201/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2017, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Đ**, sinh năm 1986

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Anh **Huỳnh Vĩnh V**, sinh năm 1976

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9; 55; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 9 năm 2017 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án về hôn nhân và gia đình thụ lý số 201/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12/9/2017 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Chị **Lê Thị Đ**, sinh năm 1986

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

- Anh **Huỳnh Vĩnh V**, sinh năm 1976

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị Đ và anh Huỳnh Vĩnh V thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Lê Thị Đ và anh Huỳnh Vĩnh V thống nhất giao hai cháu Huỳnh Bảo B, sinh ngày 03/11/2005 và cháu Huỳnh Ngọc Bảo N, sinh ngày

06/6/2012 cho anh V tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Chị Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do anh V không yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đ và anh V xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng do hòa giải thành được giảm 50% là 150.000 đồng nên chị Đ và anh V mỗi người phải chịu 75.000 đồng. Tuy nhiên, chị Đ tự nguyện nộp thay án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho anh V nên chị Đ phải chịu số tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng, nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0004467 ngày 12/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P; Chị Đ được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND thị trấn K, huyện M, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hoàng Tính